

Số: 43 /NQ-HĐND

Cam Lâm, ngày 07 tháng 9 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành kèm theo Chương trình phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025,
định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Cam Lâm**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM
KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 11/01/2021 của Tỉnh ủy Khánh Hòa về Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của HĐND tỉnh Khánh Hòa về Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 36-KH/HU ngày 13/4/2021 của Huyện ủy Cam Lâm về việc thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Cam Lâm;

Xét Tờ trình số 113/TTr-UBND ngày 28/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Cam Lâm; báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của các vị đại biểu HĐND huyện,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025, định

hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Cam Lâm, gồm các nội dung chủ yếu (kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân huyện triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân huyện và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa IV kỳ họp thứ 2 thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND, UBND huyện;
- TT. UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, TT;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Phan Đình Phùng

**Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và
miền núi giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030
trên địa bàn huyện Cam Lâm**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 07 tháng 9 năm 2021 của
Hội đồng nhân dân huyện Cam Lâm)

I. Mục tiêu của chương trình

1. Mục tiêu tổng quát:

Khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa phương, đổi mới, sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập so với bình quân chung của huyện; cải thiện đời sống của nhân dân; giảm dần số xã, thôn đặc biệt khó khăn; quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với việc xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; củng cố tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025:

- Phân đầu mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng hơn 2 lần so với năm 2020 (trên 34 triệu đồng/người/năm).
- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm từ 4 - 5%.
- 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 100% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa.
- 80% số trường học có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia.
- 100% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp.
- 100% số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt chuẩn nông thôn mới.
- Giảm 100% số xã, thôn đặc biệt khó khăn.
- 100% đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

- Không có số hộ dân tộc thiểu số cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, ở các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở phải quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí ở những nơi cần thiết. Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào.

- Tỷ lệ huy động trẻ em dân tộc thiểu số ra lớp trong độ tuổi nhà trẻ 15%; tỷ lệ trẻ mẫu giáo dưới 5 tuổi đến trường trên 83%; tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường đạt 100%; học sinh trong độ tuổi học tiểu học trên 100%; học sinh trung học cơ sở trên 98%; học trung học phổ thông và trung cấp nghề trên 70%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 98%.

- Phấn đấu 100% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế; trên 97% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ; trên 98% phụ nữ sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 15%.

- 70% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số.

- Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 100% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

- Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số, nhất là các dân tộc thiểu số tại chỗ, số lượng bảo đảm phù hợp với tỷ lệ dân số người dân tộc thiểu số ở từng địa phương theo Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới.

- Phấn đấu 100% cán bộ, công chức, viên chức vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được bồi dưỡng kiến thức dân tộc, tiếng dân tộc thiểu số theo quy định.

- 100% người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số được bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh.

3. Định hướng mục tiêu đến năm 2030:

- Phấn đấu thu nhập bình quân của đồng bào dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của cả nước;

- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm xuống dưới 6%.

- Hàng năm, thu hút 5% lao động sang làm các ngành, nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đến năm 2030, có 40% lao động người dân tộc thiểu số biết làm các ngành, nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ.

- Phấn đấu có 80% số hộ nông dân người dân tộc thiểu số làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa.

- 100% số xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân.

- Không có số hộ dân tộc thiểu số cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, ở các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở phải quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí ở những nơi cần thiết.

- Xóa tình trạng nhà ở tạm, dột nát. Cơ bản hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra trong Mục tiêu quốc gia về phát triển bền vững đến năm 2030.

II. Phạm vi và đối tượng thực hiện

1. Phạm vi

Địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 (gồm các xã: Sơn Tân, Suối Cát, Cam Phước Tây và thôn Lập Định 3 xã Cam Hòa, thôn Đồng Cau xã Suối Tân); trong đó tập trung ưu tiên đầu tư cho địa bàn đặc biệt khó khăn.

2. Đối tượng

- Xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số.
- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.
- Doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đặc biệt khó khăn.

III. Nội dung chủ yếu của chương trình

1. Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt;
2. Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết;
3. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị;
4. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;
5. Phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực;
6. Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch;
7. Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em;
8. Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em;
9. Đầu tư phát triển dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn;
10. Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình.

IV. Kinh phí thực hiện chương trình

Nguồn vốn thực hiện Chương trình gồm: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách huyện; ngân sách xã; vốn tín dụng chính sách; vốn huy động hợp pháp khác.

V. Nguyên tắc, giải pháp chủ yếu thực hiện chương trình

1. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung đầu tư cho xã, thôn khó khăn nhất; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số khó khăn nhất.

2. Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng thế mạnh của các địa phương, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc, gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

4. Đa dạng hóa nguồn lực, trong đó ngân sách nhà nước là quan trọng và có ý nghĩa quyết định; huy động, khuyến khích sự tham gia, đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, các nhân.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Phòng chống các biểu hiện tiêu cực trong quá trình thực hiện Chương trình.

VI. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện

1. Xây dựng kế hoạch, bố trí ngân sách địa phương cùng với ngân sách cấp trên và huy động các nguồn lực khác để thực hiện Chương trình. Tập trung nguồn lực đầu tư để giải quyết các vấn đề bức thiết của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, theo thứ tự ưu tiên. Đến năm 2025, giải quyết cơ bản tình trạng thiếu nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở địa bàn đặc biệt khó khăn, nhất là vùng nguy cơ cao về thiên tai; phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, đảm bảo cho người dân có thu nhập ổn định, đảm bảo sinh kế bền vững; đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu; chú trọng phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em; quan tâm công tác truyền thông, tuyên truyền và biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc.

2. Quyết định đầu tư theo đúng quy định của Luật Đầu tư công; áp dụng cơ chế đặc thù trong tổ chức quản lý, thực hiện Chương trình phù hợp với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3. Trong quá trình điều hành, Ủy ban nhân huyện tiếp tục rà soát, cân đối, bố trí ngân sách bổ sung cho Chương trình theo hướng tăng chi đầu tư phát triển và có giải pháp huy động hợp lý các nguồn vốn khác cho Chương trình.

4. Hàng năm, trong quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Hội đồng nhân dân huyện kết quả thực hiện Chương trình. Năm 2025 tổng kết việc thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025.

